TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **100**/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Ngàn A K**, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: tổ 9, ấp 9, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Anh Nìm Chu H**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 9, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngàn A K và anh Nìm Chu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: giao cháu Nìm Việt K, sinh ngày 15/7/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K, anh H khai không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Ngàn A K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 004849 ngày 14 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; Chị Ngàn A K được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng.

Anh Nìm Chu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 225.000 đồng (án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện C;
- THA DS huyện C;
- UBND xã X, huyện C, Đồng Nai;
(CNKH: số 197; ngày 02/12/2013);
- Lưu HS.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trường